TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 26/02/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-DS ngày 06/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 059 tổ 2 ấp H, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hòa N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 20/10A khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Thành Đ, sinh năm 1948

Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N có mặt. Bị đơn ông Đ, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Hòa N trình bày:

Bà Lương Thị T có cho vợ chồng ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N vay tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng, cho vay nhiều lần như sau:

Lần 1: Ngày 01/9/2017 al cho vay 50.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/11/2017 al cho vay 50.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 24/4/2018 cho vay 30.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 09/10/2018 al cho vay 70.000.000 đồng.

Khi cho vay chỉ làm biên nhận ba lần vay đầu, còn lần vay cuối do tin tưởng bị đơn nói chỉ vay mấy ngày rồi trả nên không làm biên nhận. Lãi suất vay là 1,5%/tháng. Khi cho vay bà T đều giao tiền cho ông Đ, bà N. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà N chỉ trả cho bà T được khoảng 11.000.000 đồng tiền lãi của ba lần vay đầu đến tháng 10/2018 rồi ngưng, còn số tiền vay lần cuối 70.000.000 đồng bà T chưa nhận được số tiền lãi nào. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà N trả lại tiền vốn nhưng đến nay ông Đ, bà N vẫn chưa trả.

Vào ngày 15/02/2019 ông Đ hứa bán đất sẽ trả số tiền vay, để tin tưởng bà T đã nhờ người viết tờ thỏa thuận với nội dung ông Đ, bà N có mượn bà T 200.000.000 đồng và hứa bán đất sẽ trả số tiền trên cho bà T. Ông Đ có ký tên vào tờ thỏa thuận này. Tuy nhiên đến nay bà T vẫn chưa nhận được tiền từ ông Đ, bà N.

Nay ông Phan Hòa N yêu cầu ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lương Thị T số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/02/2019 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút lại phần yêu cầu trả lãi suất, phần yêu cầu trả tiền vốn vẫn giữ nguyên.

* Tại biên bản hòa giải ngày 5/4/2019 bị đơn ông Bùi Thành Đ trình bày:

Vào tháng 9/2017 vợ chồng ông có vay tiền của bà Lương Thị T nhiều lần (03 lần) với tổng số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Sau khi vay tháng 10/2017 vợ chồng ông đóng lãi cho bà T đầy đủ. Đến ngày 05/01/2019âl thì ngưng vì gia đình không có khả năng. Tổng cộng tiền lãi vợ chồng ông đóng cho bà T là 16 tháng x 7.800.000 đồng = 124.000.000 đồng. Sau đó gia đình đi làm ăn xa để có tiền đóng lãi cho bà T, nhưng bà T đến nhà làm áp lực buộc vợ chồng ông hoàn trả nợ và lãi là 200.000.000 đồng, đồng thời ép buộc ông ký nhận nợ 200.000.000 đồng. Trong lúc say không kiểm soát được bản thân và không muốn rầy rà nên ông đã ký nhận, không biết nội dung, ông cũng không hứa hẹn sẽ bán tài sản thanh toán nợ cho bà T.

Nay ý kiến của ông Đ trước yêu cầu khởi kiện của bà T như sau: Ông chỉ thừa nhận vợ chồng có nợ của bà T số tiền 130.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5 triệu đồng đến khi dứt nợ và yêu cầu bà T không tính lãi.

* Về phía bị đơn bà Đoàn Thị N: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà N nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác Đ đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên đối chất, không ký tên vào biên bản phiên họp và phiên hòa giải đã thực hiện chưa đúng khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng. Đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất. Tiếp tục duy trì Quyết Đ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

- Về tố tụng:

[1] Bà Lương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N phải trả số tiền là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/02/2019 cho đến ngày xét xử. Xét, đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà N.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Do quen biết từ trước nên nguyên đơn bà Lương Thị T có cho vợ chồng ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N vay bốn lần với số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay phía bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn dẫn đến nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay.

Tại tờ "Biên nhận tiền" các ngày 1/9/2017 al, 10/11/2017 al và 24/4/2018 al phía nguyên đơn cung cấp đều thể hiện nội dung: Ông bà Bùi Thành Đ có nhận của bà Lương Thị T số tiền 50.000.000 đồng, 50.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Ông Đ và bà N đều ký tên và ghi họ tên vào những tờ biên nhận tiền trên. Mặt khác tại "Tờ thỏa thuận" ngày 15/2/2019 có nội dung: Tôi tên Bùi Thành Đ và vợ là Đoàn Thị N cùng ngụ ấp Hòa Tây A, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Có mượn số tiền của bà Lương Thị T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)….". Ông Đ có ký tên vào tờ thỏa thuận trên. Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của bà T là thật. Như vậy việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo bà T từ khi vay tiền cho đến nay phía ông Đ, bà N chỉ trả cho bà được tiền lãi khoảng 11.000.000 đồng, còn tiền vốn đến nay vẫn chưa trả. Bị đơn ông Đ cho rằng vợ chồng ông chỉ vay của bà T ba lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng và từ khi vay vợ chồng ông đã trả cho bà T được 124.000.000 đồng tiền lãi tuy nhiên tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trong quá trình giải quyết Tòa án cũng đã ra quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng phía bị đơn không cung cấp được nên không có cơ sở để xem xét.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…". Như vậy việc ông Đ, bà N vay tiền của bà T nhưng không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà T rút lại môt phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy Đ của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ đối với việc rút lại yêu cầu trên.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ", nguyên đơn cũng đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo quyết định của Tòa án. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên ngày 26/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-BPKCTT về việc phong tỏa diện tích 1046.40m^2 đất thổ cư và đất cây lâu năm, thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03876QSD Đ/bH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 04/04/2002 cho Bùi Thành Đ, đất tọa lạc tại xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang để đảm bảo việc cho thi hành án. Tại phiên tòa hôm nay phía

nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời này, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/02/2019 để đảm bảo cho giai đoạn thi hành án đồng thời cần trả lại cho bà T số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch huyện Thoại Sơn.

[6] Về án phí: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T.

Buộc ông Bùi Thành Đ và bà Đoàn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị T số tiền 200.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi suất.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 17/2019/QĐ-BPKCTT ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho bà Lương Thị T số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm 20.000.000 đồng theo sổ giao dịch tiết kiệm không kỳ hạn số AA 0013353 ngày 26/02/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch huyện Thoại Sơn.

2. Về án phí:

- Ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lương Thị T không phải chịu án phí nên được hoàn lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014980 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lương Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Thành Đ, bà Đoàn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hoài Lâm